

UBND HUYỆN NÚI THÀNH  
TRƯỜNG THCS NGUYỄN TRÃI

BẢNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II  
NĂM HỌC 2024-2025  
MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 9  
(PHẦN MÔN LỊCH SỬ)

| TT      | Chương/<br>Chủ đề                       | Nội dung/Đơn vị kiến thức                         | Mức độ nhận thức  |                    |                  | Tổng<br>% điểm |
|---------|-----------------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------|--------------------|------------------|----------------|
|         |                                         |                                                   | Nhận biết<br>(TN) | Thông hiểu<br>(TL) | Vận dụng<br>(TL) |                |
| 1       | VIỆT NAM TỪ<br>NĂM 1945 ĐẾN<br>NĂM 1991 | 1. Việt Nam trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám | 6                 |                    |                  | 15%            |
|         |                                         | 2. Việt Nam từ năm 1946 đến năm 1954              |                   | 1                  |                  | 15%            |
|         |                                         | 3. Việt Nam trong những năm 1976 – 1991           | 2                 |                    | 1                | 20%            |
| Số câu  |                                         |                                                   | 8                 | 1                  | 1                | 10 câu         |
| Tỉ lệ % |                                         |                                                   | 20%               | 15%                | 15%              | 50%            |

| Chương/<br>Chủ đề                          | Nội dung/Đơn vị kiến<br>thức                                        | Mức độ đánh giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Số câu hỏi theo mức độ nhận thức |                    |                     | Tổng<br>% điểm |
|--------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|--------------------|---------------------|----------------|
|                                            |                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Nhận biết<br>(TN)                | Thông hiểu<br>(TL) | Vận<br>dụng<br>(TL) |                |
| VIỆT NAM<br>TỪ NĂM<br>1945 ĐẾN<br>NĂM 1991 | 1. Việt Nam trong<br>năm đầu sau Cách<br>mạng tháng Tám<br>năm 1945 | <b>Nhận biết:</b><br>- Những biện pháp chủ yếu để xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng, giải quyết những khó khăn về kinh tế, văn hoá, giáo dục, quân sự,... trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám năm 1945<br>- Những nét chính về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Nam Bộ.                                                                                                                                                          | 6                                |                    |                     | 15%            |
|                                            | 2. Việt Nam từ năm<br>1946 đến năm 1954                             | <b>Thông hiểu</b><br>- Giải thích được nguyên nhân bùng nổ cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược (1946).<br>- Giải thích được đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của Đảng.<br>- Nêu được ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954).<br>- Mô tả được những thắng lợi tiêu biểu trên mặt trận quân sự, kinh tế, văn hoá, ngoại giao, ...trong kháng chiến chống thực dân Pháp. |                                  | 1                  |                     | 15%            |

|               |                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |       |       |       |        |
|---------------|------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-------|-------|--------|
|               | <b>3. Việt Nam trong những năm 1976 – 1991</b> | <b>Nhận biết</b><br>– Trình bày được sự thống nhất đất nước về mặt nhà nước, cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam và vùng biên giới phía Bắc trong những năm 1975 – 1979, đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo.<br><br>– Nêu được tình hình chính trị, kinh tế, xã hội Việt Nam trong những năm 1976 – 1985.<br><b>Vận dụng</b><br>– Đánh giá được thành tựu và hạn chế trong việc thực hiện đường lối Đổi mới.<br><b>Vận dụng cao.</b><br>-Rút ra được bài học kinh nghiệm từ việc thực hiện đường lối Đổi mới. | 2     |       | 1     | 0.5%   |
|               |                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |       |       |       | 10%    |
|               |                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |       |       |       | 5%     |
|               |                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |       |       |       |        |
|               |                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |       |       |       |        |
| Số câu        |                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 8 câu | 1 câu | 1 câu | 10 câu |
| Tỉ lệ %       |                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 20%   | 15%   | 15%   | 50%    |
| Tỉ lệ % chung |                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 40    | 30    | 30    | 100%   |

**MA TRẬN VÀ BẢNG ĐẶC TẢ**  
**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II - NĂM HỌC 2024-2025**  
**PHÂN MÔN: ĐỊA LÍ - LỚP 9**

| TT | Chương/<br>chủ đề                                        | Nội dung/đơn vị kiến<br>thức                                                                                                                                                                                                                                                               | Mức độ đánh giá                                                                                                                                                                                             | Mức độ nhận thức       |                       |                     | Tổng<br>điểm%           |
|----|----------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------------------|-------------------------|
|    |                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                             | Nhận<br>biết<br>(TNKQ) | Thông<br>hiểu<br>(TL) | Vận<br>dụng<br>(TL) |                         |
| 1  | <b>Chủ đề 1<br/>Bắc<br/>Trung<br/>Bộ<br/>(số tiết 3)</b> | <ul style="list-style-type: none"><li>Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ.</li><li>Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên.</li><li>Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng.</li><li>Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế của vùng.</li></ul> | <b>*Nhận biết:</b> - Xác định được trên bản đồ vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng.<br>- Trình bày được đặc điểm phân bố dân cư ở vùng Bắc Trung Bộ.                                                 | 2 TN                   |                       |                     | <b>0,5đ<br/>5%</b>      |
|    |                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                            | <b>*Thông hiểu:</b> - Trình bày được đặc điểm phân hoá của tự nhiên (phân hóa bắc nam, phân hóa đông tây).<br>- Trình bày được vấn đề phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu ở Bắc Trung Bộ. | 1 TN                   |                       |                     | <b>0,25đ<br/>2,5%</b>   |
|    |                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                            | - Giải thích được đặc điểm phân bố dân cư ở vùng Bắc Trung Bộ.                                                                                                                                              |                        |                       |                     |                         |
|    |                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                            | - Phân tích được sự phát triển và phân bố kinh tế ở vùng Bắc Trung Bộ (Nông nghiệp và lâm nghiệp...).                                                                                                       | 1 TN                   | 1 TL<br>(Đề B)        |                     | <b>1,75 đ<br/>17,5%</b> |
|    |                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                            | - Phân tích được thế mạnh về du lịch ở vùng Bắc Trung Bộ.                                                                                                                                                   |                        |                       |                     |                         |
|    |                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                            | - Phân tích được vấn đề phát triển kinh tế biển ở vùng Bắc Trung Bộ.                                                                                                                                        | 1 TN                   |                       |                     | <b>0,25đ<br/>2,5%</b>   |
|    |                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                            | <b>*Vận dụng:</b> Giải thích được ảnh hưởng của tự nhiên đến sự hình thành cơ cấu kinh tế của vùng.                                                                                                         |                        |                       | 1 TL                | <b>1,0 đ<br/>10%</b>    |
|    |                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                             |                        |                       |                     |                         |

|                  |                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                |            |             |          |  |                       |
|------------------|-----------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-------------|----------|--|-----------------------|
| 2                | <b>Chủ đề Duyên hải NTB (số tiết 3)</b> | – Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ.<br>– Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên.<br>– Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng.<br>– Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế của vùng.<br>– Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. | <b>*Nhận biết:</b> - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng.<br>- Trình bày được sự phân bố dân cư, dân tộc.                                       | 1 TN       |             |          |  | <b>0,25đ<br/>2,5%</b> |
|                  |                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                              | Trình bày được về vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.                                                                                                                          |            |             |          |  |                       |
|                  |                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                              | <b>*Thông hiểu:</b> Phân tích được đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên, các thế mạnh và hạn chế chính.                                                                 | 1 TN       |             |          |  | <b>0,25đ<br/>2,5%</b> |
|                  |                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                              | - Phân tích được những chuyển biến trong sự phát triển và phân bố kinh tế của vùng.                                                                                            |            | 1 TL (Đề A) |          |  |                       |
|                  |                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                              | - Phân tích được sự phát triển của một số ngành kinh tế thế mạnh của vùng (sử dụng bản đồ và bảng số liệu).                                                                    | 1 TN       |             |          |  | <b>0,25đ<br/>2,5%</b> |
|                  |                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                              | <b>*Vận dụng cao:</b> - Phân tích hoặc sơ đồ hóa được ảnh hưởng của nạn hạn hán và sa mạc hoá đối với sự phát triển kinh tế – xã hội ở vùng khô hạn Ninh Thuận – Bình Thuận... |            |             | 1 TL     |  | <b>0,5đ<br/>5%</b>    |
| Số câu/ loại câu |                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                | 8 câu TNKQ | 1 câu TL    | 2 câu TL |  | 11c                   |
| Tỉ lệ            |                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                | 20%        | 15%         | 15%      |  | 50%                   |
| Tỉ lệ % chung    |                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                | 40         | 30          | 30       |  | 100%                  |

**A. PHÂN MÔN LỊCH SỬ (5,0 điểm)**

**I. TRẮC NGHIỆM (2,0 điểm)**

Chọn phương án trả lời đúng (A,B,C,D) và ghi vào giấy làm bài.

**Câu 1:** Biện pháp nào sau đây góp phần quan trọng vào việc xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng sau tháng Tám năm 1945?

- A. Thành lập Mặt trận Việt Minh.
- B. Xây dựng hệ thống trường Đại học trên cả nước.
- C. Thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân
- D. Tiến hành cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội trong cả nước.

**Câu 2:** Sau Cách mạng tháng Tám, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà kêu gọi đồng bào cả nước “*nhường cơm sẻ áo*”, thực hiện “*ngày đồng tâm*” nhằm mục đích gì?

- A. Giải quyết nạn đói trước mắt.
- B. Tăng cường tiềm lực an ninh, quốc phòng.
- C. Giải quyết tận gốc nạn đói, phát triển kinh tế.
- D. Phát triển kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân.

**Câu 3:** Để khắc phục tình trạng ngân khố quốc gia trống rỗng sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, Chính phủ phát động phong trào

- A. “Tiết kiệm”.
- B. “Bình dân học vụ”.
- C. “Tuần lễ vàng”.
- D. “Cải cách ruộng đất”.

**Câu 4:** Để xoá nạn mù chữ, ngày 8/9/1945 Chủ tịch Hồ Chí Minh kí sắc lệnh thành lập

- A. Mặt trận Việt Minh.
- B. ngân hàng Việt Nam.
- C. Nha Bình dân học vụ.
- D. ngân hàng Đông Dương.

**Câu 5:** Đầu năm 1946, trước tình hình thực dân Pháp tìm cách mở rộng chiến tranh xâm lược ra miền Bắc, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thực hiện sách lược gì?

- A. “Đầu hàng”.
- B. “Hoà để tiến”.
- C. “Tiến công để tự vệ”.
- D. “Tiêu thổ kháng chiến”.

**Câu 6:** Được sự giúp đỡ của lực lượng nào, quân Pháp trở lại xâm lược nước ta lần thứ hai?

- A. Quân Anh.
- B. Quân Nhật
- C. Quân Mỹ.
- D. Quân Trung Hoa Dân quốc.

**Câu 7:** Sau Đại thắng Xuân 1975 đất nước ta đã

- A. bị chia cắt.
- B. bị ngoại xâm đe dọa.
- C. được thống nhất về mặt Nhà nước.
- D. được thống nhất về mặt lãnh thổ.

**Câu 8:** Trong kì họp thứ nhất, Quốc hội khoá VI (1976) đã quyết định Quốc ca của nước ta là bài

- A. Khát vọng.
- B. Tiến quân ca.
- C. Tiếng hát giữa rừng Pác Bó.
- D. Hành khúc ngày và đêm.

**II. TỰ LUẬN (3,0 điểm)**

**Câu 1:** (1.5 điểm). Hãy nêu nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 – 1954)?

**Câu 2:** (1.5 điểm) Đánh giá thành tựu đạt được của Việt Nam trong việc thực hiện đường lối đổi mới giai đoạn 1986-1991? Bài học kinh nghiệm từ việc thực hiện đường lối Đổi mới đối với giai đoạn hiện nay là gì?

## **B. PHÂN MÔN ĐỊA LÍ (5,0 điểm)**

### **I. TRẮC NGHIỆM (2,0 điểm)** (Lựa chọn 01 đáp án đúng nhất và ghi vào giấy làm bài)

**Câu 1:** Phía tây của Bắc Trung Bộ tiếp giáp với

- A. Lào.
- B. Biển Đông.
- C. Đồng bằng sông Hồng.
- D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

**Câu 2:** Năm 2021, số dân Bắc Trung Bộ khoảng bao nhiêu triệu dân?

- A. 10 triệu người.
- B. 11 triệu người.
- C. 12 triệu người.
- D. 11,2 triệu người.

**Câu 3:** Khoảng sản duyên hải Nam Trung Bộ có mỏ vàng Bông Miêu ở Quảng Nam, thuộc huyện

- A. Núi Thành.
- B. Tam Kỳ.
- C. Phú Ninh.
- D. Thăng Bình.

**Câu 4:** Tổng sản phẩm trên địa bàn Bắc Trung Bộ tăng khá nhanh, năm 2021 chiếm tỉ lệ trong cơ cấu GDP cả nước, khoảng

- A. 6,1%.
- B. 6,7%.
- C. 7,0%.
- D. 7,1%.

**Câu 5:** Cây công nghiệp lâu năm (Hồ Tiêu) của Bắc Trung Bộ, được trồng nhiều ở tỉnh

- A. Nghệ An, Thanh Hóa.
- B. Quảng Trị, Quảng Bình.
- C. Nghệ An, Quảng Trị.
- D. Hà Tĩnh, Thừa thiên-Huế.

**Câu 6:** Mật độ dân số duyên hải Nam Trung Bộ, năm 2021 là

- A. 205 người/ km<sup>2</sup>.
- B. 211 người/ km<sup>2</sup>.
- C. 230 người/ km<sup>2</sup>.
- D. 297 người/ km<sup>2</sup>.

**Câu 7:** Đảo Yến ở Bắc Trung Bộ, thuộc tỉnh

- A. Quảng Bình.
- B. Nghệ An.
- C. Quảng Trị.
- D. Hà Tĩnh.

**Câu 8:** Bắc Trung Bộ có diện tích rừng lớn, năm 2021 khoảng

- A. 2,1 triệu ha.
- B. 2,5 triệu ha.
- C. 3,1 triệu ha.
- D. 3,5 triệu ha.

### **B. TỰ LUẬN (3,0 điểm)**

**Câu 1:** Trình bày những chuyển biến trong phát triển và phân bố kinh tế của duyên hải Nam Trung Bộ? (1,5 điểm)

**Câu 2:** Giải thích được ảnh hưởng tự nhiên của **biển đảo** đến sự hình thành cơ cấu kinh tế của vùng Bắc Trung Bộ? (1,0 điểm)

**Câu 3:** Đề xuất một số giải pháp để phòng chống hạn hán và sa mạc hóa ở duyên hải Nam Trung Bộ? (0,5 điểm)

-----**Hết**-----

ĐỀ CHÍNH THỨC

Mã đề: B

**A. PHÂN MÔN LỊCH SỬ (5,0 điểm)**

**I. TRẮC NGHIỆM (2,0 điểm)**

Chọn phương án trả lời đúng (A,B,C,D) và ghi vào giấy làm bài.

**Câu 1:** Ngày 6/1/1946, cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà được tổ chức nhằm mục đích gì?

- A. Tuyên bố độc lập.  
B. Thành lập Đồng minh chống Pháp.  
C. Tuyên truyền đường lối kháng chiến.  
D. Xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng.

**Câu 2:** Đề giải quyết **tận gốc** nạn đói sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đề ra biện pháp gì?

- A. Tăng gia sản xuất.  
B. Thực hành tiết kiệm.  
C. Lập “Hũ gạo cứu đói”.  
D. Tổ chức “Ngày đồng tâm”.

**Câu 3:** Sau Cách mạng tháng Tám, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà phát động phong trào “Tuần lễ vàng” nhằm mục đích gì?

- A. Khắc phục tình trạng lãng phí trong dân.  
B. Khắc phục tình trạng mua, bán vàng trái phép.  
C. Khắc phục tình trạng ngân khố quốc gia trống rỗng.  
D. Khắc phục tình trạng đầu cơ, tích trữ vàng trong dân.

**Câu 4:** Ngày 8 tháng 9 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh kí Sắc lệnh thành lập Nha Bình dân học vụ để thực hiện nhiệm vụ gì?

- A. Biên soạn sách.  
B. Cải cách giáo dục.  
C. Chống ngoại xâm.  
D. Xoá nạn mù chữ.

**Câu 5:** Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thực hiện sách lược “hoà để tiến”, trong bối cảnh nào?

- A. Pháp đưa quân ra miền Bắc.  
B. Tạm ước Việt-Pháp được kí kết.  
C. Hiệp định Giơ-ne-vơ được kí kết.  
D. Hiệp định Sơ bộ được kí kết.

**Câu 6:** Sau Cách mạng tháng Tám thành công, được sự giúp đỡ của quân Anh, thực dân Pháp đã tiến hành

- A. kí Hiệp định Giơ-ne-vơ.  
B. xâm lược Việt Nam lần thứ hai.  
C. đảo chính lật đổ quân Nhật.  
D. mở rộng xâm lược miền Bắc Việt Nam.

**Câu 7:** Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng(9/1975) đã đề ra nhiệm vụ nào sau đây?

- A. Đẩy mạnh quan hệ đối ngoại.  
B. Thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ.  
C. Thống nhất đất nước về mặt nhà nước.  
D. Nhanh chóng kết thúc chiến tranh với Mỹ.

**Câu 8:** Trong kì họp thứ nhất Quốc hội khoá VI (1976) đã quyết định thủ đô nước ta là

- A. Huế. B. Hà Nội. C. Đà Nẵng. D. Thành phố Hồ Chí Minh.

**II. TỰ LUẬN (3,0 điểm).**

**Câu 1:** (1,5điểm). Hãy nêu ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược(1945 – 1954)?

**Câu 2:** (1,5 điểm) Đánh giá những hạn chế của Việt Nam trong việc thực hiện đường lối đổi mới giai đoạn 1986-1991? Bài học kinh nghiệm từ việc thực hiện đường lối Đổi mới đối với giai đoạn hiện nay là gì?

## **B. PHÂN MÔN ĐỊA LÍ (5,0 điểm)**

### **I. TRẮC NGHIỆM (2,0 điểm)**

*(Lựa chọn 01 đáp án đúng nhất và ghi vào giấy làm bài)*

**Câu 1:** Phía nam Bắc Trung Bộ tiếp giáp với

- A. Trung du và miền núi Bắc Bộ.                      B. Biển Đông.  
C. Đồng bằng sông Hồng.                                  D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

**Câu 2:** Cây công nghiệp lâu năm (Chè) của Bắc Trung Bộ, được trồng nhiều ở tỉnh

- A. Nghệ An, Hà Tĩnh.                                          B. Hà Tĩnh, Thừa thiên-Huế.  
C. Nghệ An, Thanh Hóa.                                      D. Quảng Trị, Quảng Bình.

**Câu 3:** Khoáng sản duyên hải Nam Trung Bộ có mỏ vàng Bông Miêu ở Quảng Nam, thuộc huyện

- A. Núi Thành.                      B. Thăng Bình.                      C. Tam Kỳ.                      D. Phú Ninh.

**Câu 4:** Khí hậu duyên hải Nam Trung Bộ có tính chất cận xích đạo gió mùa, số giờ nắng trong năm, trên

- A. 2000 giờ.                      B. 2400 giờ.                      C. 2500 giờ.                      D. 3000 giờ.

**Câu 5:** Tổng sản phẩm trên địa bàn duyên hải Nam Trung Bộ tăng, năm 2021 chiếm tỉ lệ trong cơ cấu GDP cả nước, hơn

- A. 6,9%.                      B. 7,0%.                      C. 7,1%.                      D. 7,5%.

**Câu 6:** Đảo Phú Quý ở duyên hải Nam Trung Bộ, thuộc tỉnh

- A. Bình Thuận.                      B. Bình Định.                      C. Ninh Thuận.                      D. Quảng Nam.

**Câu 7:** Mật độ dân số Bắc Trung Bộ, năm 2021 là

- A. 205 người/ km<sup>2</sup>.                      B. 210 người/ km<sup>2</sup>.                      C. 218 người/ km<sup>2</sup>.                      D. 297 người/ km<sup>2</sup>.

**Câu 8:** Người dân tộc thiểu số sinh sống nhiều nhất ở 2 tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận

- A. Khơ me.                      B. Chăm.                      C. Hrê.                      D. Cơ -tu.

### **II. TỰ LUẬN (3,0 điểm)**

**Câu 1:** (1,5 điểm) Trình bày đặc điểm phát triển và phân bố ngành nông nghiệp và lâm nghiệp của Bắc Trung Bộ?

**Câu 2:** (1,0 điểm) Giải thích được ảnh hưởng tự nhiên của **biển đảo** đến sự hình thành cơ cấu kinh tế của vùng Bắc Trung Bộ?

**Câu 3:** (0,5 điểm) Đề xuất một số giải pháp để phòng chống hạn hán và sa mạc hoá ở duyên hải Nam Trung Bộ?

-----**Hết**-----

**A. PHÂN MÔN LỊCH SỬ**

**I. TRẮC NGHIỆM:** (2,0 điểm) mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.

(HSKT: Mỗi câu đúng đạt 0.5 điểm)

| Câu    | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
|--------|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Đáp án | D | A | C | C | B | A | D | B |

**II. TỰ LUẬN:** (3,0 điểm) (HSKT: Đạt được 50% yêu cầu của mỗi câu, thì đạt điểm tối đa)

| Câu | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Điểm       |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | <b>Hãy nêu nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược(1945 – 1954)?</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | <b>1.5</b> |
|     | - Sự lãnh đạo của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, với đường lối kháng chiến đúng đắn, sáng tạo.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 0.5        |
|     | - Truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết của dân tộc. Hệ thống chính quyền dân chủ nhân dân trong cả nước ngày càng vững mạnh; lực lượng vũ trang ba thứ quân được xây dựng và không ngừng trưởng thành.                                                                                                                                                                                                                                                   | 0.5        |
|     | - Sự đoàn kết chiến đấu của nhân ba nước Đông Dương; Sự ủng hộ của các nước XHCN và lực lượng yêu chuộng hoà bình.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 0.5        |
| 2   | <b>Đánh giá thành tựu đạt được của Việt Nam trong việc thực hiện đường lối đổi mới giai đoạn 1986-1991? Bài học kinh nghiệm từ việc thực hiện đường lối Đổi mới đối với giai đoạn hiện nay là gì?</b>                                                                                                                                                                                                                                                         | <b>1.5</b> |
|     | <b>- Đánh giá thành tựu:</b><br>+ Sau 5 năm thực hiện công cuộc Đổi mới, tình hình đất nước về mọi mặt cơ bản ổn định.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 0.5        |
|     | + Hoạt động của các tổ chức chính trị được đổi mới, quan hệ đối ngoại từng bước được mở rộng,...                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 0.5        |
|     | <b>- Bài học kinh nghiệm cho việc xây dựng và phát triển đất nước ngày nay (HS trả lời được 2 ý trong các gợi ý dưới đây thì cho điểm tối đa)</b><br>- Bám sát tình hình thực tiễn để đề ra chủ trương phù hợp.<br>- Lắng nghe, tổng kết những cách làm sáng tạo của nhân dân, kịp thời sửa chữa những sai lầm khuyết điểm....<br>- Phát huy sức mạnh tổng hợp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân.<br>- Đa dạng hóa, đa phương hóa trong đường lối đối ngoại. | 0.5        |

**B. PHÂN MÔN ĐỊA LÝ**

**I. TRẮC NGHIỆM (2,0 điểm)**

I. Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm (HSKT: Mỗi câu đúng đạt 1,0 điểm)

|        |   |   |   |   |   |   |   |   |
|--------|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Câu    | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| Đáp án | A | D | C | D | B | B | A | C |

**II. TỰ LUẬN (3,0 điểm) (HSKT: Đạt được 50% yêu cầu của mỗi câu, thì đạt điểm tối đa)**

| Câu                    | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Điểm                                                           |
|------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|
| <b>1</b><br>(1,5 điểm) | <b>Những chuyển biến trong phát triển và phân bố kinh tế của DH Nam Trung Bộ:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | <b>(1,5 đ)</b>                                                 |
|                        | <b>a/ Chuyển biến trong phát triển kinh tế:</b><br>+ GRDP ngày càng tăng.( năm 2021 chiếm hơn 7% trong cơ cấu GDP cả nước)<br>+ Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỉ trọng ngành công nghiệp và xây dựng, giảm tỉ trọng ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản, dịch vụ chiếm tỉ trọng cao...<br>+ Các ngành có giá trị gia tăng và hàm lượng công nghệ được chú trọng phát triển. (như SX sản phẩm dầu mỏ tinh chế, kim loại, cơ khí chế tạo, logistics và du lịch...) | <b>(0,75đ)</b><br><br>(0,25đ)<br>(0,25đ)<br>(0,25đ)            |
|                        | <b>b/ Chuyển biến trong phân bố kinh tế:</b><br>+ Khu vực đồng bằng ven biển đẩy mạnh phát triển tổng hợp kinh tế biển, công nghiệp, dịch vụ. Hình thành dải khu công nghiệp ven biển kéo dài từ Đà Nẵng đến Bình Thuận...<br>+ Khu vực phía tây phát triển nông lâm kết hợp, du lịch sinh thái và thủy điện.                                                                                                                                                                       | <b>(0,75đ)</b><br>(0,5đ)<br>(0,25đ)                            |
|                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                |
| <b>2</b><br>(1,0 điểm) | <b><i>Giải thích được ảnh hưởng của <u>biển đảo</u> đến sự hình thành cơ cấu kinh tế của Bắc Trung Bộ:</i></b><br>+ Bắc Trung Bộ có vùng biển rộng với nhiều bãi tôm, cá trữ lượng lớn.<br>+ Có đường bờ biển dài, có nhiều bãi tắm đẹp...<br>+ Có nhiều đảo, bán đảo, vịnh vịnh kín.<br>➡ Tạo điều kiện để phát triển tổng hợp kinh tế biển (khái thác, nuôi trồng hải sản, giao thông vận tải biển, du lịch biển, điện gió...)                                                    | <b>(1,0 đ)</b><br><br>(0,25đ)<br>(0,25đ)<br>(0,25đ)<br>(0,25đ) |
| <b>3</b><br>(0,5 điểm) | <b><i>Đề xuất một số giải pháp để phòng chống hạn hán và sa mạc hoá ở DH Nam Trung Bộ:</i></b><br>- Tăng cường tích trữ nước, sử dụng tiết kiệm các nguồn nước...<br>- Tích cực trồng và bảo vệ rừng, phát triển trồng rừng chống sa mạc hoá; tổ chức đo đạc giám sát, cảnh báo xâm nhập mặn,...                                                                                                                                                                                    | <b>(0,5 đ)</b><br><br>(0,25đ)<br>(0,25đ)                       |

## A. PHÂN MÔN LỊCH SỬ

**I. TRẮC NGHIỆM:** (2,0 điểm) mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.

(HSKT: Mỗi câu đúng đạt 0.5 điểm)

| Câu    | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
|--------|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Đáp án | D | A | C | D | A | B | C | B |

**II. TỰ LUẬN:** (3,0 điểm)

(HSKT: Đạt được 50% yêu cầu của mỗi câu, thì đạt điểm tối đa)

| Câu | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Điểm       |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | <b>Hãy nêu ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược(1945 – 1954)?</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                               | <b>1.5</b> |
|     | - Chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược và ách thống trị của thực dân Pháp trong gần một thế kỉ ở Việt Nam.                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 0.5        |
|     | - Miền Bắc được giải phóng, chuyển sang giai đoạn tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa, tạo cơ sở cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.                                                                                                                                                                                                                          | 0.5        |
|     | - Thắng lợi đó đã giáng đòn nặng nề vào tham vọng xâm lược, nô dịch của chủ nghĩa thực dân, góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa kiểu cũ, cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc các nước Á, Phi và Mỹ La-tinh.                                                                                                                                                                               | 0.5        |
| 2   | <b>Đánh giá những hạn chế của Việt Nam trong việc thực hiện đường lối đổi mới giai đoạn 1986-1991? Bài học kinh nghiệm từ việc thực hiện đường lối Đổi mới đối với giai đoạn hiện nay là gì? (HS trả lời được 2 ý trong các gợi ý dưới đây thì cho điểm tối đa)</b>                                                                                                                          | <b>1.5</b> |
|     | <b>Đánh giá những hạn chế</b><br>- Đất nước lúc này chưa ra khỏi khủng hoảng về kinh tế – xã hội. Nền kinh tế phát triển mất cân đối, chỉ số lạm phát còn ở mức cao.<br>- Nhiều vấn đề xã hội chưa được giải quyết như: sự bất hợp lí của chế độ tiền lương có dấu hiệu gia tăng, phân hoá giàu – nghèo giữa các vùng, giữa thành thị và nông thôn,...                                       | 0.5<br>0.5 |
|     | <b>Bài học kinh nghiệm</b> (HS trả lời được 2 ý trong các gợi ý dưới đây thì cho điểm tối đa)<br>- Bám sát tình hình thực tiễn để đề ra chủ trương phù hợp.<br>- Khi mắc sai lầm phải dũng cảm thừa nhận và kiên quyết sửa chữa bằng những biện pháp phù hợp.<br>- Phát huy sức mạnh tổng hợp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân.<br>- Đa dạng hóa, đa phương hóa trong đường lối đối ngoại. | 0.5        |

## B. PHÂN MÔN ĐỊA LÝ

**I. TRẮC NGHIỆM (2,0 điểm)**

I. Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm. (HSKT: Mỗi câu đúng đạt 1,0 điểm)

|        |   |   |   |   |   |   |   |   |
|--------|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Câu    | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| Đáp án | D | C | D | C | B | A | C | B |

## II. TỰ

LUẬN (3,0

điểm) (HSKT: Đạt được 50% yêu cầu của mỗi câu, thì đạt điểm tối đa)

| Câu                | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Điểm                                                 |
|--------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|
| 1<br>(1,5<br>điểm) | <b>Đặc điểm phát triển và phân bố ngành và lâm nghiệp của Bắc Trung Bộ</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                      |
|                    | <b>a/ Nông nghiệp:</b><br>- Sản xuất nông nghiệp đẩy mạnh thâm canh, tăng năng suất.<br>+ Lúa là cây trồng chủ yếu (Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh).<br>+ Cây CN hàng năm: lạc, mía; Cây CN lâu năm: hồ tiêu, cao su, chè...;<br>Cây ăn quả: cam, bưởi, ...<br>+ Chăn nuôi trâu bò phát triển mạnh (đàn trâu chiếm 25% tổng đàn trâu cả nước), đặc biệt chăn nuôi bò sữa...                                                                                                    | <b>(0,75đ)</b><br><br>(0,25đ)<br>(0,25đ)<br>(0,25đ)  |
|                    | <b>b/ Lâm nghiệp:</b><br>+ Có thể mạnh phát triển: Diện tích rừng lớn với khoảng 3,1 triệu ha (năm 2021), sản lượng gỗ khai thác đạt 4,7 triệu m <sup>3</sup> năm 2021.<br>+ Hoạt động bảo vệ rừng được tích cực triển khai.<br>+ Khai thác và chế biến gỗ tập trung ở vùng đồi núi phía tây kết hợp với trồng và tu bổ rừng...<br>+ Các mô hình sản xuất nông lâm kết hợp, canh tác trên đất dốc được mở rộng đem lại hiệu quả kinh tế và góp phần phòng, chống thiên tai. | <b>(0, 75đ)</b><br><br>(0,25đ)<br>(0,25đ)<br>(0,25đ) |
| 2<br>(1,0<br>điểm) | <b>Giải thích được ảnh hưởng của <u>biển đảo</u> đến sự hình thành cơ cấu kinh tế của Bắc Trung Bộ:</b><br>+ Bắc Trung Bộ có vùng biển rộng với nhiều bãi tôm, cá trữ lượng lớn.<br>+ Có đường bờ biển dài, có nhiều bãi tắm đẹp...<br>+ Có nhiều đảo, bán đảo, vũng vịnh kín.<br>➡ Tạo điều kiện để phát triển tổng hợp kinh tế biển (khái thác, nuôi trồng hải sản, giao thông vận tải biển, du lịch biển, điện gió...)                                                   | <b>(1.0đ)</b><br><br>(0,25đ)<br>(0,25đ)<br>(0,25đ)   |
| 3<br>(0,5<br>điểm) | <b>Đề xuất một số giải pháp để phòng chống hạn hán và sa mạc hoá ở DH Nam Trung Bộ:</b><br>- Tăng cường tích trữ nước, sử dụng tiết kiệm các nguồn nước...<br>- Tích cực trồng và bảo vệ rừng, phát triển trồng rừng chống sa mạc hoá; tổ chức đo đạc giám sát, cảnh báo xâm nhập mặn,...                                                                                                                                                                                   | <b>(0,5 đ)</b><br><br>(0,25đ)<br>(0,25đ)             |